TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/DS-PT
Ngày 22-8-2017
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Võ Đình Nghị

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đạt Nguyên; là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông H Thế Trọng - Kiểm sát viên .

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLPT-DS ngày 10-5-2017; về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 03-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2017/QĐ-PT ngày 25-5-2017; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 393/TB-TA ngày 14/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2017/QĐ-PT ngày 30/6/2017; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 460/TB-TA ngày 11-7-2017; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 510/TB-TA ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Phú Lâm H, sinh 1987
Địa chỉ: Số 60 đường số 4, khu phố 6, phương H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hồng L, sinh 1980
Địa chỉ: Số 6/1 đường 3/4, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng "Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017"; có mặt

2. Bị đơn: Vợ chồng anh Trương Đình K, sinh 1970
Chị Phan Thị Ngọc T1, sinh 1975
Địa chỉ: Tổ dân phố 2A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn: Luật sư Lê Hồng T1, Văn phòng Luật sư T1, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Công C1, sinh 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố 1B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng; có mặt

4. Người làm chứng:

- Bà Đỗ Thị X1, sinh 1957; địa chỉ, Tổ dân phố 5B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt

- Ông Phan Hải H1, sinh 1950; địa chỉ, Tổ dân phố 5B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng; có mặt

- Chị Nguyễn Thị Hương G1; Nhân viên giao dịch Agribank, chi nhánh huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị X2; Nhân viên kho quỹ Agribank, chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Bùi Thị Thu T2, sinh 1976; địa chỉ, Thôn 2 xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Vắng mặt.

- Bà Phùng Thị L - Phó giám đốc Ngân hàng Agribank, chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị Ngọc T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04-04-2016; bản tự khai, lời khai của nguyên đơn; lời khai của người đại diện ông L lời trình bày*: Ngày 09-7-2013 nguyên đơn anh H chuyển khoản số tiền 1.900.000.000đ, vào chủ tài khoản chị T1 số hiệu 711A.86421491 thông qua hệ thống Ngân hàng Viettinbank để cho bị đơn vợ chồng chị T1, anh K vay. Theo thỏa thuận, bị đơn thanh toán cả gốc và lãi theo mức lãi suất Ngân hàng, thời gian tối đa là 12 tháng kể từ ngày vay.

Quá trình thực hiện, bị đơn đã trả được 05 lần thông qua hệ thống Ngân hàng cộng chung 115.000.000đ, cụ thể vào các ngày 17-7-2013 trả số tiền 15.000.000đ; ngày 23-7-2013 trả số tiền 10.000.000đ; ngày 15-8-2013 trả số tiền 30.000.000đ; ngày 18-9-2013 trả số tiền 30.000.000đ; ngày 18-10-2013 trả số tiền 30.000.000đ.

Đến ngày 01-4-2016, ngày 27-5-2016, nguyên đơn anh H thông báo yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền vay nhưng về phía bị đơn không chấp nhận và cho rằng số tiền trên đã đưa cho anh C là không đúng. Đối với số tiền bị đơn đã trả cộng chung 115.000.000đ nêu trên, đề nghị được trừ vào lãi phải trả theo từng thời điểm trả tiền, còn thừa trừ vào tiền nợ gốc, nên sau khi điều chỉnh thì số tiền lãi đã trả 63.028.000đ (*làm tròn số*); số tiền gốc đã trả 51.942.000đ (*làm tròn số*). Nay yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc 1.848.058.000đ (*làm tròn số*); lãi chậm trả tính đến ngày xét xử (*ngày 03-4-2017*) thành tiền 777.416.000đ.

** Theo bản tự khai, lời khai, bị đơn chị T1, anh K trình bày*: Công nhận ngày 09-7-2013, trong tài khoản của bị đơn có số tiền 1.900.000.000đ do nguyên đơn anh H nộp vào tài khoản là đúng. Tuy nhiên, số tiền này nguyên đơn nộp vào tài khoản của bị đơn là do "*bà X1 (mẹ nguyên đơn) nhờ tài khoản của bị đơn, để sau khi nguyên đơn nộp tiền vào tài khoản của bị đơn thì rút tiền mặt giao cho bà X1*", nên cùng ngày 09-7-2013, bị đơn đã rút số tiền 1.900.000.000đ đã giao cho anh C (*con rể bà X1*), theo đúng nội dung thỏa thuận giữa bị đơn với bà X1. Đối với số tiền 115.000.000đ đã nộp vào tài khoản của nguyên đơn là phát sinh từ việc làm ăn chung giữa bà X1 và bị đơn, theo đề nghị của bà X1 nộp vào tài khoản của nguyên đơn. Do vậy, bị đơn xác định không vay số tiền nêu trên của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh C trình bày*: Bị đơn cho rằng, ngày 09-7-2013 đã rút số tiền 1.900.000.000đ và đã cho anh là không đúng, trường hợp bị đơn chứng minh đã giao cho anh số tiền này thì xin chịu trách nhiệm với bị đơn. Đối với số tiền 1.900.000.000đ do anh nộp vào tài khoản số hiệu 5411205022116 tại Agribank, chi nhánh Đ đứng tên Doanh nghiệp tư nhân H, do ông Phan Duy H1 (*bố vợ của anh C làm chủ doanh nghiệp*) là khoản tiền ông H1 đưa cho anh để nộp vào tài khoản, không liên quan đến số tiền nguyên đơn khởi kiện bị đơn nêu trên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành; tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 03-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H, đối với bị đơn vợ chồng anh K, chị T1, về việc "*tranh chấp HĐ dân sự vay tài sản*"

+ Buộc bị đơn vợ chồng anh K, chị T1 có trách nhiệm toán trả cho nguyên đơn anh H số tiền gốc 1.785.000.000đ; lãi chậm trả 599.760.000đ; cộng chung 2.384.760.000đ

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 14-4-2017, bị đơn chị T1 kháng cáo cho rằng "*số tiền 1.900.000.000đ vay của nguyên đơn nhưng đã trả cho, chứng cứ thất lạc chưa tìm kiếm được, đề nghị bác đơn khởi kiện*".

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị đơn chị T1 thay đổi kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền lợi của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, trong khi đó cấp phúc thẩm thu thập bổ sung nhưng chưa đầy đủ; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp không tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đề nghị chấp nhận thay đổi kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Đối với bị đơn anh K đồng ý với ý kiến của bị đơn chị T1, đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi của số tiền gốc 1.785.000.000đ từ ngày 01-4-2016, đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 03-4-2017*), theo mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 163.473.000đ. Đối với kháng cáo của bị đơn, đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Theo đơn kháng cáo của bị đơn chị T1 ghi ngày 14-4-2017 là đúng hạn, nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng "*số tiền 1.900.000.000đ vay của nguyên đơn nhưng đã trả cho, chứng cứ thất lạc chưa tìm kiếm được, đề nghị bác đơn khởi kiện*" (bút lục 164). Tuy nhiên, trong thời hạn kháng cáo, bị đơn chị T1 không bổ sung kháng cáo nhưng đến ngày 19-6-2017; bị đơn chị T1 có đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ đề nghị hủy bản án sơ thẩm, thuộc trường hợp "*kháng cáo bổ sung vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu*", khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm lý do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng "*Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để tham gia phiên tòa*", đối chiếu với thủ tục tố tụng thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp ngày 18-8-2016; vụ án được đưa ra xét xử vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 10-3-2017 (*Quyết định số 01/2017/QĐXXST-DS ngày 16-02-2017*), đã ghi tại mục 3 của Quyết định về Những người tham gia tố tụng khác có người làm chứng "*bà Đỗ Thị X1*", đồng thời cũng đã gửi Quyết định này cho Viện kiểm sát ngày 17-02-2017; thậm chí, vụ án đã bị hoãn đến 03 lần và đều được gởi Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời hạn mở phiên tòa cho Viện kiểm sát; trong khi đó, đến ngày mở phiên tòa xét xử, Tòa án vẫn không nhận được *"Quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*". Đối chiếu quy định khoản 1 Điều 20 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31-8-2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân dân tối cao; việc không cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc lỗi của Viện kiểm sát. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát theo yêu cầu, để nghiên cứu để thực hiện quyền kháng nghị nhưng sau đó cũng không kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát không được chấp nhận.

- Về yêu cầu thu thập chứng cứ bổ sung theo yêu cầu của bị đơn; cấp phúc thẩm đã thu thập theo đề nghị của bị đơn như làm việc với người làm chứng chị X2

kho quỹ; chị G nhân viên giao dịch; làm việc với đại diện Agribank, chi nhánh huyện Đ; sau đó đã thông báo cho bị đơn, Viện kiểm sát về kết quả thu thập chứng cứ theo đúng quy định pháp luật tố tụng, nên Luật sư cho rằng cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ là không có căn cứ.

2. *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng ngày 09-7-2013, bị đơn vay số tiền 1.900.000.000đ nhưng mới trả được 115.000.000đ; đến ngày 01-4-2016, ngày 27-5-2016, nguyên đơn anh H thông báo yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền vay nhưng chưa trả. Về phía bị đơn không thừa nhận vay của nguyên đơn số tiền nêu trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định pháp luật.

3. *Về nội dung*: Xét kháng cáo của bị đơn chị T1 đối chiếu với tài liệu đã thu thập thể hiện:

- Nguyên đơn khởi kiện cho rằng "*bị đơn chị T1 vay của nguyên đơn số tiền 1.900.000.000đ, đã trả 115.000.000đ*", đồng thời chứng minh giấy nộp tiền vào tài khoản số hiệu 711A.86421491 được ghi "*chuyển tiền cho vợ chồng anh K và chị T1 vay*" (*bút lục 11*). Về phía bị đơn thừa nhận tài khoản có số hiệu nêu trên là của bị đơn tại Ngân hàng Viettinbank; thừa nhận tài khoản này phát sinh tăng số tiền 1.900.000.000đ là phù hợp chứng cứ nguyên đơn xuất trình.

- Quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, bị đơn cho rằng nguyên đơn nộp tiền vào tài khoản của bị đơn xuất phát tự việc "*bà X1 (mẹ nguyên đơn) nhờ tài khoản của bị đơn, để sau đó nhờ bị đơn rút tiền mặt giao cho bà X1*", trong khi đó, nguyên đơn không thừa nhận, bà X1 cũng không thừa nhận, còn bị đơn không chứng minh được "*có nội dung thỏa thuận này giữa bị đơn với bà X1*" nêu trên. Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng ngày 09-7-2013 bị đơn rút số tiền 1.900.000.000đ, để giao cho bà X1 theo đúng thỏa thuận nhưng lại cho rằng đã giao cho anh C là con rể bà X1 theo yêu cầu của bà X1, trong khi đó anh C1 không thừa nhận, còn bị đơn không chứng minh được anh C đã nhận số tiền này của bị đơn cũng như tài liệu bà X1 yêu cầu bị đơn giao số tiền này cho anh C1.

- Theo tài liệu đã thu thập thể hiện ngày 09-7-2013, anh C có nộp số tiền 1.900.000.000đ vào tài khoản số hiệu 5411205022116 tại Agribank, chi nhánh Đ của ông H1 chủ doanh nghiệp tư nhân H1, nên bị đơn cho rằng "*chính số tiền 1.900.000.000đ rút ra giao cho anh C; đồng thời anh C nộp số tiền vào tài khoản của ông H1 nêu trên*". Tuy nhiên, lời khai của ông H1, anh C cùng xác định số tiền 1.900.000.000đ nộp vào tài khoản số hiệu 5411205022116 tại Agribank, chi nhánh Đạ Tẻh là do ông H1 đưa cho anh C1 nộp vào tài khoản, còn bị đơn không có tài liệu nào chứng minh. Mặt khác, theo tài liệu chứng cứ "*giấy rút tiền mặt*" bị đơn có ghi nội dung "*rút tiền mặt để giao cho anh C*" để chứng minh (bút lục số 21); đối chiếu lời trình bày của chị X2 là kho quỹ Agribank, chi nhánh huyện Đ xác định "*bị đơn chị T1 rút tiền mặt, theo bảng kê tiền chi và được đóng dấu đã chi đủ tiền*"; việc anh C nộp tiền vào tài khoản cũng được lập bảng kê tiền nộp, kho quỹ nhận đủ tiền và đóng dấu theo quy chế kho quỹ. Ngoài ra, chị X2 cũng xác định

kho quỹ chi tiền cho khách hàng rút tiền mặt hoặc thu tiền do khách hàng nộp tiền chỉ lập bảng kê chi tiền; bảng kê nộp tiền mặt thể hiện loại mệnh giá tiền chi, tiền nộp theo quy chế kho quỹ; không ghi số seri của từng loại mệnh giá tiền, nên không có căn cứ chứng minh "*số tiền anh C nộp vào tài khoản của ông H1 là khoản tiền bị đơn giao*".

- Việc bị đơn cho rằng đã giao cho anh C số tiền 1.900.000.000đ nêu trên là lớn nên việc giao nhận tiền nếu có phải được lập thành văn bản. Nếu theo lời khai của bị đơn cho rằng "*bà X1 (mẹ nguyên đơn) nhờ tài khoản của bị đơn, để sau đó nhờ bị đơn rút tiền mặt giao cho bà X1*", nên trong trường hợp này, bị đơn rút tiền để giao cho bà X1 cũng phải chứng minh "*đã giao tiền cho bà X1 hoặc trường hợp bà X1 đề nghị giao cho anh C thì cũng phải thể hiện bằng văn bản*". Do vậy, về quan hệ bị đơn giao số tiền 1.900.000.000đ cho anh C, giữa bị đơn và anh C thỏa thuận giải quyết, trường hợp có tranh chấp và khi có đơn khởi kiện thì xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

- Theo đơn kháng cáo của bị đơn cho rằng "*số tiền 1.900.000.000đ vay của nguyên đơn nhưng đã trả, chứng cứ thất lạc chưa tìm kiếm được*", đề nghị bác đơn khởi kiện. Về phía nguyên đơn cũng đã thừa nhận bị đơn trả được 05 lần cộng chung 115.000.000đ. Tại phiên tòa hôm này, bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.785.000.000đ.

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về khoản lãi tại phiên tòa phúc thẩm, theo đó buộc bị đơn trả lãi của số tiền gốc 1.785.000.000đ, từ ngày 01-4-2016, đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi 0,75%/tháng. Đối chiếu với quy định khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, bị đơn có nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày chậm trả là ngày bị đơn được thông báo thụ lý vụ án từ ngày 10-5-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/4/2017 là 10 tháng 25 ngày x 0,75%/tháng x 1.785.000.000đ (*số tiền phải chịu lãi*), thành tiền 145.031.000đ. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.785.000.000đ; số tiền lãi chậm trả 145.031.000đ; Cộng chung gốc, lãi 1.930.031.000đ. Bác một phần yêu cầu của bị đơn về khoản lãi là 18.442.000đ (*163.473.000đ -145.031.00đ*).

- Liên quan đến bà X1 về những nội dung ghi chép trong sổ do bị đơn xuất trình; bị đơn và bà X1 xác nhận liên quan đến việc hợp tác làm ăn chung và đã khởi kiện, hiện Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh xem xét thu thập chứng cứ. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa bị đơn và bà X1 được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

4. *Về án phí*: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Về áp phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 69.900.000đ án phí {*theo cách tính án phí 1.930.031.000đ = 36.000.000đ* + (*1.130.031.000đ x 3%*)}, được trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; bị đơn còn phải nộp 69.600.000đ án phí.

- Nguyên đơn phải chịu án phí của yêu cầu không được chấp nhận là 922.000đ án phí (*18.442.000đ x 5%*); được trừ vào số tiền 32.755.000đồng nộp tạm ứng án phí; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nộp tạm ứng án phí còn thừa sau khi trừ tiền án phí còn lại là 31.833.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị Ngọc T1, sửa bản án sơ thẩm; Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Phú Lâm H, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn vợ chồng anh Trương Đình K, chị Phan Thị Ngọc T1.

- Buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Đình K, chị Phan Thị Ngọc T1 có trách nhiệm toán trả cho nguyên đơn anh Phan Phú Lâm H số tiền gốc 1.785.000.000đ; lãi chậm trả 145.031.000đ; cộng chung 1.930.031.000đ.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Phú Lâm H về số tiền 18.442.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2- Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Phan Phú Lâm H phải chịu 922.000đ án phí; được trừ vào số tiền 32.755.000đồng nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0004578 ngày 10/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh; hoàn trả cho nguyên đơn anh H số tiền 31.833.000đồng nộp tạm ứng án phí còn thừa sau khi trừ tiền án phí.

Bị đơn phải chịu án phí là 69.900.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004698 ngày 14/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh; bị đơn còn phải nộp 69.600.000đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại TP. HCM
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1)
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA huyện Đ (02)
- Chi cục THADS Đ (1)
- Các đương sự (*để thi hành*)
- Lưu hồ sơ; Án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Mừng **Võ Đình Nghị** **Nguyễn Kim Đồng**